

Số: /GCN-SXD

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ của Công ty Cổ phần Công nghệ xây dựng và Khoa học kiểm định Bách Khoa; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 28/8/2025; Văn bản số 22/CV-PTNCTBK ngày 22/9/2025 và Văn bản số 01.09/2025/BKCONS ngày 25/9/2025 của Công ty Cổ phần Công nghệ xây dựng và Khoa học kiểm định Bách Khoa về việc báo cáo khắc phục và xin gia hạn thời gian; Biên bản kiểm tra đánh giá nội dung khắc phục ngày 30/9/2025 giữa các thành viên đoàn đánh giá và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Công nghệ xây dựng và Khoa học kiểm định Bách Khoa

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0109276013, cấp ngày 21/7/2020, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: Số 16 gác 106/5, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Điện thoại/Fax: 0985761933

Email: bachkhoalasxd780@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm thử nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số nhà 7, ngõ 196/1A đường Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội.

Phòng thí nghiệm đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo các chỉ tiêu nêu trong Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD HAN.014

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Công nghệ xây dựng và Khoa học kiểm định Bách Khoa;
- Bộ Xây dựng; (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ Sở;
- Lưu: VT, P.QLKT&GDCL (H.N. Duy,03b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Công

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

**Của Trung tâm thử nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình,
mã số LAS-XD HAN.014 thuộc Công ty Cổ phần Công nghệ xây dựng và Khoa học
kiểm định Bách Khoa**

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ NGHIỆM XI MĂNG, CLANHKE	
1	Xác định cường độ uốn, Xác định cường độ nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109M-08
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, Xác định thời gian đông kết, Xác định độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187-04 ASTM C191-08
3	Xác định độ mịn, Xác định khối lượng riêng	TCVN 13605:2023 ASTM C188 ASTM C430-08
4	Xác định hàm lượng mất khi nung (MKN), Xác định hàm lượng cặn không tan (CKT), Xác định hàm lượng magnesium oxide (MgO), Xác định hàm lượng anhydric sulfuric (SO ₃)	TCVN 141:2023; ASTM C114-04
II	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
5	Cốt liệu nhẹ: Xác định thành phần cỡ hạt, Xác định khối lượng thể tích vụn đông, Xác định độ bền khi nén trong xi lanh, Xác định hàm lượng sunfua, sunfat hòa tan, Xác định khối lượng mất khi đun sôi, Xác định độ hút nước của sỏi, đá dăm sỏi, Xác định độ ẩm	TCVN 6221:1997
6	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136:2006; AASHTO T27:2023
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của hạt cốt liệu có kích thước không lớn hơn 40 mm	TCVN 7572-4:2006
8	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu có kích thước lớn hơn 40 mm	TCVN 7572-5:2006
9	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M; AASHTO T19
10	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117
11	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40 AASHTO T267
12	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938
13	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
14	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131; AASHTO T96

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
15	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335
16	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C227; ASTM C289
17	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; ASTM C1152
18	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75 μm	TCVN 9205:2012; AASHTO T11
19	Xác định đương lượng cát	TCVN 14134-5:2024; AASHTO T176
20	Xác định hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	AASHTO T112
III	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
21	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; AASHTO T119; ASTM C143; BS EN 12350-2:2000
22	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138; AASHTO T121
23	Xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:2022; ASTM C232
24	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022; ASTM C173; AASHTO T152
25	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022; ASTM C642
26	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022; ASTM C1585
27	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39; C42; AASHTO T22
28	Xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012
29	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
IV	THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG NHẸ	
30	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt, Xác định cường độ nén, Xác định khối lượng thể tích khô, Xác định độ co khô, Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017
V	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
31	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C109
32	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
33	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co: Xác định độ chảy, Xác định độ tách nước, Xác định cường độ chịu nén của vữa, Xác định thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, Xác định sự thay đổi chiều dài của	TCVN 9204:2012

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	mẫu vữa đóng rắn	
34	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Xác định thành phần có hại trong vật liệu (SO ₃ -2, S-2, Cl-), Xác định lượng vón cục trên sàng, Xác định độ chảy, Xác định độ tách nước và thay đổi thể tích theo phương pháp ống đúc, Xác định thời gian đông kết, Xác định cường độ nén	TCVN 11971:2018
VI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
35	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; ASTM D854-10;
36	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216:19; AASHTO T265:22;
37	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90
38	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136; AASHTO T88
39	Xác định tính nén lún (trong điều kiện không nở hông)	TCVN 4200:2012; ASTM D2435
40	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; ASTM D1557-09
41	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D2937
42	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
43	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012
44	Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
45	Xác định tỷ số CBR	TCVN 12792:2020; AASHTO T193
VII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ GIA CỒ CHẤT KẾT DÍNH TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM	
46	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
VIII	THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
47	Nước cho bê tông và vữa: Xác định váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012
48	Xác định cặn toàn phần, Xác định cặn qua lọc (chất hoà tan), Xác định cặn không qua lọc (chất lơ lửng), Xác định cặn sau khi nung	TCVN 4560:1988
49	Xác định Sắt	TCVN 6177:1996
50	Xác định clorua -	TCVN 6194:1996
51	Xác định Sunfat	TCVN 6200:1996
52	Xác định tổng Canxi và Magiê	TCVN 6224:1996
53	Xác định chất rắn lơ lửng bằng cách lọc qua cái lọc sợi thủy tinh	TCVN 6625:2000
54	Xác định pH	TCVN 6492:2011
IX	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI - LIÊN KẾT HÀN	
55	Vật liệu kim loại - Thử kéo	TCVN 197-1:2014;

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		ASTM A370 ASTM A1061; A1061M – 09
56	Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Rockwell	TCVN 257-1:2007; TCVN 257-2:2007; TCVN 257-3:2007; ASTM A965
57	Vật liệu kim loại - Ống - Thử kéo	TCVN 314:2008
58	Vật liệu kim loại - Ống - Thử thủy lực (Độ bền)	TCVN 1832:2008
59	Lớp phủ không từ trên chất nền từ - Đo chiều dày lớp phủ	TCVN 5878:2007
60	Lớp phủ kim loại - Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên vật liệu chứa sắt - Xác định khối lượng lớp mạ trên đơn vị diện tích	TCVN 7665:2007
61	Thép làm cột bê tông và bê tông dự ứng lực - Thanh, dảnh và dây dùng làm cốt: Thử kéo, Thử uốn, Thử uốn lại	TCVN 7937-1:2013
62	Đường ống bằng gang dẻo - Thử thủy tĩnh sau khi lắp đặt (Có áp suất, Không có áp suất)	TCVN 7972:2012
63	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010
64	Bu lông, đai ốc: Kiểm tra dạng ngoài, Kiểm tra khuyết tật bề mặt, Kiểm tra kích thước, Thử kéo, Đo độ cứng	TCVN 1916:1995
65	Thử không phá hủy - Thử hạt từ	TCVN 4396-1:2018; TCVN 4396-2:2018; TCVN 4396-3:2018
66	Thử không phá hủy - Thử thẩm thấu	TCVN 4617-2:2018
67	Thử không phá hủy mối hàn - Thử siêu âm	TCVN 6735:2018
68	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực: Xác định độ bền kéo, Xác định độ giãn dài tương đối, Kiểm tra hình dạng và dung sai kích thước, Xác định độ cứng, Xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 12513:2018; TCVN 13065:2020; GB/T 17748-2016
69	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren: Thử kéo, Thử độ trượt, Thử mối có chu kỳ cao, Thử chất tải có chu kỳ thấp	TCVN 13711-2:2023
70	Kiểm tra thành phần của kim loại	ASTM E415 :2017 ASTM E1086 :2014 ASTM E1251 :2017a
X	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
71	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
72	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
73	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
74	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
XI	THỬ NGHIỆM GẠCH GÓM ỐP, LÁT	
75	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
76	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
77	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
78	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
79	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
80	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2016
81	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
XII	THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
82	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, Xác định độ hút nước, Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên, Xác định độ cứng lớp mặt.	TCVN 6065:1995
XIII	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
83	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ rỗng, Xác định cường độ chịu nén, Xác định độ thấm nước, Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
XIV	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO	
84	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước, Xác định độ hút nước bề mặt, Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
XV	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP, LÁT TỰ NHIÊN	
85	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước, Xác định độ hút nước, Xác định độ bền uốn	TCVN 4732:2016
XVI	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP, LÁT NHÂN TẠO	
86	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt, Xác định độ hút nước, Xác định độ bền uốn, Xác định độ bền mài mòn sâu, Xác định độ bền chống bám bẩn, Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 8057:2009
XVII	THỬ NGHIỆM ĐÁ XÂY DỰNG TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM	
87	Xác định độ ẩm tự nhiên, Xác định độ ẩm khô gió, Xác định độ ẩm bão hòa, Xác định độ hút nước	TCVN 10321:2014
88	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 10322:2014
XVIII	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA NHIỆT ĐỎ	
89	Ống nhựa nhiệt dẻo: Xác định độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003
90	Ống nhựa nhiệt dẻo - Xác định kích thước (Chiều dày thành, Đường kính, Đường kính ngoài trung bình, Đường kính trong trung bình, Độ ôvan, Chiều dài ống, Độ lệch so với mặt vuông góc của đầu ống và phụ tùng)	TCVN 6145:2007; TCVN 7093-1:2003
91	Ống và phụ tùng nối bằng nhựa nhiệt dẻo: Xác định nhiệt độ hóa mềm Vicat	TCVN 6147-1:2003; ASTM D1525
92	Ống, phụ tùng và hệ thống phụ tùng bằng nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng: Xác định độ bền với áp suất bên trong	TCVN 6149-1:2007
93	Ống polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước: Độ bền thủy tĩnh, Độ giãn dài khi đứt, Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 7305-2:2008; TCVN 7305-3:2008
94	Ống dùng cho lắp đặt cáp: Xác định khả năng chịu nén, Xác định khả năng chịu va đập, Xác định khả năng chịu uốn, Xác định độ bền kéo, Xác định đặc tính cách điện	TCVN 7417-1:2010

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
95	Ống PVC-U, PVC-C, PVC-HI: Xác định độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 7434-1:2020; TCVN 7434-2:2004; TCVN 7434-3:2020
96	Ống nhựa gân xoắn HDPE: Xác định ngoại quan, Xác định sai lệch về các kích thước, Xác định độ bền của ống trong môi trường hóa chất, Xác định áp lực chịu nén của ống	TCVN 9070:2012
XIX	THỬ NGHIỆM DÂY, CÁP ĐIỆN	
97	Đo điện trở cách điện ở nhiệt độ môi trường xung quanh, Đo điện trở cách điện ở nhiệt độ lớn nhất của ruột dẫn	TCVN 5935-1:2013
98	Thử nghiệm điện trở của ruột dẫn, Đo điện trở cách điện	TCVN 6610-2:2007
99	Xác định độ bền kéo, Xác định độ giãn dài khi đứt, Đo chiều dày cách điện, Đo chiều dày vỏ bọc phi kim loại, Đo kích thước ngoài	TCVN 6614-1-1:2008
100	Đo điện trở một chiều của (các) ruột dẫn	TCVN 6612:2007
101	Thử nghiệm suất điện trở khối và suất điện trở bề mặt của vật liệu cách điện rắn	TCVN 7918:2008
102	Sợi quang dùng cho mạng viễn thông: Đo suy hao quang bằng máy đo phản xạ quang OTDR	TCVN 8665:2011
XX	THỬ NGHIỆM BITUM	
103	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5/D5M
104	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113; AASHTO T51
105	Xác định điểm hoá mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005
106	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
107	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6/D6M
108	Xác định độ hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2023; ASTM D2042; AASHTO T44
109	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASTM D2196 ASTM D70/D70M
110	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D2170
111	Xác định hàm lượng paraffin	TCVN 7503:2005
112	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625; AASHTO T182
XXI	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LÔNG	
113	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
114	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011
XXII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
115	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927; AASHTO T245
116	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T 164
117	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; ASTM C136/C136M; AASHTO T27
118	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041 AASHTO T209
119	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; AASHTO T166; AASHTO T167
120	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
121	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
122	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
123	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
124	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
125	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
126	Bê tông nhựa: Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017; AASHTO T326:22
127	Nhựa đường thông thường: Xác định chỉ số độ kim lún (PI) của nhựa đường, Xác định độ chồi của hỗn hợp bê tông nhựa chặt	TCVN 13567-1:2022
XXIII	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
128	Chiều sáng nhân tạo - Phương pháp đo độ rọi	TCVN 5176:1990
129	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và các khuyết tật, Xác định cường độ bê tông, Xác định khả năng chịu tải uốn	TCVN 5847:2016
130	Rung động do các hoạt động xây dựng - Phương pháp đo	TCVN 6963:2001
131	Rung động đối với các công trình xây dựng - Đo rung động	TCVN 7191:2002
132	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước: Xác định kích thước ngoại quan và khuyết tật cọc, Xác định cường độ nén bê tông, Xác định độ bền uốn nứt thân cọc, Xác định độ bền uốn thân cọc PHC và NPH trước tải trọng nén dọc trục, Xác định độ bền uốn gãy thân cọc, Xác định độ bền uốn mối nối	TCVN 7888:2014
133	Đất xây dựng công trình thủy lợi: Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 8729:2012
134	Xác định độ chặt của đất sau đầm nén (phương pháp rót cát)	TCVN 8730:2012
135	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
136	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước	TCVN 8864:2011

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	dài 3,0m	
137	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
138	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256:20
139	Ống bê tông cốt thép thoát nước: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Kiểm tra kích thước và độ vuông góc, Kiểm tra độ thấm nước của ống cống	TCVN 9113:2012
140	Cống hộp bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Kiểm tra kích thước và độ sai lệch kích thước, Kiểm tra khả năng chống thấm nước, Kiểm tra khả năng chịu tải của đốt cống	TCVN 9116:2012
141	Bê tông nặng - Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
142	Bê tông nặng - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
143	Kết cấu bê tông cốt thép - Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
144	Bê tông cốt thép - Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn - Phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012
145	Đất xây dựng - Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
146	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
147	Đo kiểm tra điện trở nối đất	TCVN 9358:2012
148	Đo kiểm tra điện trở chống sét	TCVN 9385:2012
149	Cọc - Thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143
150	Bê tông - Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012; ASTM E1512
151	Hồ ga thoát nước bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Phần 3: Nắp và song chắn rác: Xác định kích thước, Xác định khuyết tật ngoại quan, Xác định khả năng chịu tải	TCVN 10333-3:2014; BS EN 124
152	Bó vĩa bê tông đúc sẵn: Xác định kích thước và mức giới hạn cho phép, Xác định ngoại quan và khuyết tật cho phép, Xác định khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015
153	Gối cống bê tông đúc sẵn: Xác định kích thước, Xác định ngoại quan và khuyết tật cho phép, Xác định khả năng chịu tải	TCVN 10799:2015
154	Hào kỹ thuật bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn: Xác định kích thước và mức sai lệch kích thước, Xác định ngoại quan và khuyết tật cho phép, Xác định cường độ bê tông, Xác định khả năng chống thấm nước, Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, Xác định khả năng chịu tải đứng của đốt hào	TCVN 10332:2014

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
155	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020; ASTM D2937
156	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2012
157	Giàn giáo thép: Thử độ cứng vững	TCVN 6052:1995
XXIV	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG	
158	Xác định khối lượng riêng	TCVN 12884-1:2020; TCVN 8735:2012
159	Xác định chỉ số dẻo	TCVN 12884-1:2020; TCVN 4197:2012
160	Xác định thành phần hạt, Xác định độ ẩm, Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
XXV	THỬ NGHIỆM BĂNG CHẶN NƯỚC PVC, VẬT LIỆU CHỐNG THẤM	
161	Băng chặn nước PVC: Xác định sai lệch so với kích thước danh nghĩa, Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt, Xác định độ bền hóa chất	TCVN 9407:2014
162	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính: Xác định tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt	TCVN 9067-1:2012
163	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính: Xác định độ bền chọc thủng động	TCVN 9067-2:2012
164	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính: Xác định độ bền nhiệt	TCVN 9067-3:2012
165	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính: Xác định độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9067-4:2012
166	Vật liệu chống thấm nước thi công dạng lỏng sử dụng bên dưới lớp chất kết dính dán gạch gốm ốp lát: Cường độ bám dính khi kéo, Độ chống thấm nước, Khả năng tạo cầu vết nứt	TCVN 12692:2020
167	Xác định khả năng chịu áp lực thủy tĩnh của vật liệu chống thấm	ASTM D5385; D5385M-20
XXVI	THỬ NGHIỆM SƠN VÀ VECNI, SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG	
168	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
169	Xác định thời gian chảy bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013
170	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
171	Xác định trạng thái khô hoàn toàn và thời gian khô hoàn toàn	TCVN 2096-1:2015
172	Xác định độ bền lớp sơn - Phép thử cắt ô	TCVN 2097:2015
173	Sơn tường dạng nhũ tương -Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2024
174	Sơn tường dạng nhũ tương - Xác định độ bền kiềm của màng sơn	TCVN 8653-3:2024
175	Xác định chiều dày màng sơn khô bằng phương pháp không phá hủy	TCVN 9406:2012
176	Sơn bitum cao su: Xác định thời gian khô	TCVN 6557:2000
177	Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2024
178	Xác định độ bền kiềm của màng sơn	TCVN 8653-3:2024
179	Xác định khả năng chảy của sơn tín hiệu giao thông	AASHTO T250-05
180	Xác định độ bám dính của sơn tín hiệu giao thông	ASTM D 4541
XXVII	BỘT BẢ TƯỜNG GỐC XI MĂNG POỐC LẮNG	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
181	Xác định độ mịn, Xác định thời gian đông kết, Xác định độ giữ nước, Xác định cường độ bám dính	TCVN 7239:2014
XXVIII	THỬ NGHIỆM TẮM THẠCH CAO, TẮM XI MĂNG	
182	Tắm thạch cao: Xác định độ cứng của lõi, cạnh và gờ	TCVN 8257-2:2023
183	Tắm thạch cao: Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023
184	Tắm thạch cao: Xác định độ kháng nhổ đinh	TCVN 8257-4:2023
185	Tắm thạch cao: Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023
186	Tắm thạch cao: Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2023
XXIX	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG	
187	Xác định độ sụt, Xác định thời gian đông kết, Xác định lượng nước trộn yêu cầu, Xác định cường độ nén, Xác định cường độ uốn, Xác định độ co ngót cứng, Xác định hàm lượng chất khô, Xác định hàm lượng tro, Xác định khối lượng riêng của phụ gia lỏng, Xác định hàm lượng ion clo, Xác định độ pH	TCVN 8826:2024
188	Phụ gia hoạt tính tro bay: Xác định hàm lượng mất khi nung, Xác định độ ẩm, Xác định độ mịn theo lượng sót trên sàng 45 Mm, Xác định lượng nước yêu cầu, Xác định hàm lượng ion Clo(Cl ⁻)	TCVN 10302:2014
XXX	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
189	Kính tấm xây dựng - Kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
190	Kính dán an toàn nhiều lớp - Thử va đập rơi bi	TCVN 7368:2013
XXXI	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT	
191	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009; ASTM D5199
192	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011
193	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011
194	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011
195	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786
196	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751
197	Màng địa kỹ thuật: Xác định tải trọng kéo đứt, Xác định độ giãn dài khi kéo đứt	TCVN 9751:2014; ASTM D4595
198	Màng địa kỹ thuật: Xác định độ bền chọc thủng	TCVN 9752:2014
XXXII	THỬ NGHIỆM GỖ TỰ NHIÊN, GỖ NHÂN TẠO	
199	Ván gỗ nhân tạo - Xác định kích thước tấm	TCVN 11904:2017
200	Ván gỗ nhân tạo - Xác định độ ẩm	TCVN 11905:2017
201	Ván gỗ nhân tạo - Xác định lực bám vít	TCVN 11907:2017
202	Vát lát sàn nhiều lớp - Xác định độ trương nở dày sau khi ngâm một phần trong nước	TCVN 11950:2018
203	Ván lát sàn nhiều lớp và loại dẹt - Xác định sự thay đổi kích thước sau khi phơi nhiễm trong điều kiện khí hậu ẩm và khô	TCVN 11951:2018
204	Ván gỗ nhân tạo - Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN 12445:2018
205	Ván gỗ nhân tạo - Xác định mô đun đàn hồi khi uốn và	TCVN 12446:2018

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	độ bền uốn	
206	Gỗ tự nhiên - Xác định độ ẩm cho các phép thử cơ lý	TCVN 13707-1:2023
207	Gỗ tự nhiên - Xác định khối lượng riêng cho các phép thử vật lý và cơ học	TCVN 13707-2:2023
208	Gỗ tự nhiên - Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023
209	Gỗ tự nhiên - Xác định độ bền nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023
210	Gỗ tự nhiên - Xác định độ co rút thể tích	TCVN 13707-14:2023
211	Cửa gỗ: Xác định độ cong, độ vênh của cửa đi	TCVN 9366-1:2012
XXXIII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BENTONITE	
212	Vật liệu Bentonite: Xác định khối lượng riêng, Xác định độ ổn định, Xác định độ nhót phễu Marsh, Xác định độ pH, Xác định lực cắt tĩnh, Xác định hàm lượng cát, Xác định độ dày áo sét, Xác định lượng tách nước, Xác định tỷ lệ keo (độ trương nở)	TCVN 11893:2017
XXXIV	THỬ NGHIỆM HỆ CHẤT KẾT DÍNH GÓC NHỰA EPOXY CHO BÊ TÔNG	
213	Xác định độ nhót	TCVN 7952-1:2008
214	Xác định độ chảy sệ	TCVN 7952-2:2008
215	Xác định thời gian tạo gel	TCVN 7952-3:2008
216	Xác định cường độ dính kết	TCVN 7952-4:2008
217	Xác định độ nhót	TCVN 7952-10:2008
XXXV	CAO SU LƯU HÓA HOẶC NHIỆT DẸO	
218	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo: Xác định độ cứng ấn lõm	TCVN 1595-1:2013; TCVN 1595-2:2013
219	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo: Xác định khối lượng riêng	TCVN 4866:2013
220	Cao su lưu hóa, chất đàn hồi nhiệt dẻo xác định: Xác định độ căng; Xác định độ bền kéo và độ dẫn	ASTM D412:1997
XXXVI	VẬT LIỆU CHÈN KHE	
221	Silicon xâm khe cho kết cấu xây dựng- Xác định độ chảy	TCVN 8267-1:2009
222	Silicon xâm khe cho kết cấu xây dựng - Xác định khả năng đùn chảy	TCVN 8267-2:2009
223	Silicon xâm khe cho kết cấu xây dựng - Xác định độ cứng Shore A	TCVN 8267-3:2009
224	Silicon xâm khe cho kết cấu xây dựng - Xác định thời gian không dính bề mặt	TCVN 8267-5:2009
225	Silicon xâm khe cho kết cấu xây dựng - Xác định cường độ bám dính	TCVN 8267-6:2009
226	Vật liệu chèn khe và vết nứt - Xác định: Độ côn lún trước khi và sau khi ngâm trong nhiên liệu; Độ chảy; Độ bám dính trước và sau khi ngâm nước	TCVN 9973:2013

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.